

KẾ HOẠCH

Thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Năm học: 2021 - 2022

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 1 năm 2015 của Chính phủ ban hành về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, Trường Mầm non Rạng Đông 12 xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Thực hiện quy chế công khai trong trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy quyền làm chủ, thực hiện giám sát các hoạt động theo quy chế dân chủ cơ sở.
- Phát huy khả năng tự học và tinh thần sáng tạo, năng động trong việc tìm tòi kiến thức để nâng cao trình độ tay nghề.
- Tự điều chỉnh kịp thời các sai phạm, thiếu sót trong công tác quản lý, điều hành của cán bộ quản lý, các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong nhà trường.

II. NỘI DUNG

Thực hiện 3 công khai theo quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo

dục theo quy định của Bộ giáo dục về các nội dung sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục: chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.

- Công khai chất lượng giáo dục thực tế.

- Kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

- Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, số lượng phòng học, phòng chức năng, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có, số lượng đồ chơi ngoài trời.

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo; công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Công khai thu chi tài chính:

- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục.

- Mức thu học phí và các khoản thu khác.

- Các khoản chi: lương, bồi dưỡng chuyên môn, hội họp, tham quan học tập, chi xây dựng, sửa chữa.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Hình thức công khai và thời điểm công khai:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Niêm yết tại trường đảm bảo cho cha mẹ trẻ dễ theo dõi và giám sát. Thời gian niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Phổ biến trong cuộc họp hoặc phát tài liệu cho cha mẹ trẻ.

- Công khai vào thời điểm tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

2. Thành lập ban chỉ đạo:

- Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau:

ST	Họ và Tên	Chức Vụ	Nhiệm vụ được giao
1	Quách Thị Thu Nga	Bí thư chi bộ - Hiệu Trưởng	Trưởng ban
2	Đoàn Thị Thanh Thủy	Phó bí thư chi bộ - P.HTGD	Phó ban
3	Huỳnh Thị Bích Thảo	Chi ủy viên - P.HTCS	Phó ban
4	Dương Thị Cẩm	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên
5	Lưu Thị Ngọc Hà	Bí thư chi đoàn	Thư ký
6	Tôn Nữ Như Thúy	Kế toán	Ủy viên
7	Nguyễn Phụng Nhi	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Tổ trưởng tổ 2	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Hương Lang	Tổ trưởng tổ 3	Ủy viên

3. Tổ chức thực hiện:

- Thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm học:
- + Giáo viên đăng ký chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, danh hiệu thi đua cá nhân.
- + Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng trẻ chăm ngoan chuyên cần, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ, của cá nhân.
- + Công đoàn, đoàn thanh niên phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ giáo viên và học sinh.
- Tổng hợp kết quả xếp loại bé chuyên cần hàng tháng và cuối năm, có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.
- Thực hiện đánh giá phân loại giáo viên hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

4. Phân công nhiệm vụ:

- Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.
- Phó hiệu trưởng giáo dục, phó hiệu trưởng chăm sóc: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ thực tế tại đơn vị. Cùng với hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Chủ tịch công đoàn: thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị. Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất. Phối hợp cùng với hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Tổ trưởng chuyên môn: thực hiện thống kê kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của cá nhân, tổ; kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hằng năm để thực hiện công khai theo quy định.

- Bộ phận tài vụ: quyết toán thu, chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát khi được yêu cầu.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của Trường Mầm non Rạng Đông 12, đề nghị các thành viên trong tập thể sư phạm nhà trường nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Q.6;
- Lưu: VT.


HIỆU TRƯỞNG

Quách Thị Thu Nga

Quận 6, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 80% trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. - Đảm bảo chuỗi thức ăn an toàn từ nguồn nguyên liệu đến chế biến, phân phối, vận chuyển đến nơi phục vụ cho trẻ. - Khẩu phần dinh dưỡng: 60 - 65 Kcal - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu Nhà trẻ tại trường - Theo dõi sức khỏe trẻ: + Khám sức khỏe: 100% + Tẩy giun: 02 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng: + SDD cân nặng: 0/48 + KH phần đầu: 100% + SDD chiều cao: 0/48 + KH phần đầu: 100% + Tỷ lệ thừa cân, béo phì: 05/48 – 10% + KH phần đầu: 60%	- 90% trẻ độ tuổi 3-5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.- - 100% trẻ độ tuổi 5- 6 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non - Đảm bảo chuỗi thức ăn an toàn từ nguồn nguyên liệu đến chế biến, phân phối, vận chuyển đến nơi phục vụ cho trẻ. - Khẩu phần dinh dưỡng: 50 - 55 Kcal - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu Mẫu Giáo tại trường - Theo dõi sức khỏe trẻ: + Khám sức khỏe: 100% + Tẩy giun: 02 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng: + SDD cân nặng: 02/377 – 0.5% + KH phần đầu: 100 % + SDD chiều cao: 02/377 – 0.5 % + KH phần đầu: 100% + SDD thể còi: 02/377 – 0.5 % + KH phần đầu: 100% + Tỷ lệ thừa cân, béo phì: 55/377 – 14.6% + KH phần đầu: 55%

II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021	Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Thể chất: 80% đạt mục tiêu Nhận thức: 80% đạt mục tiêu Ngôn ngữ: 80% đạt mục tiêu Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 80% đạt mục tiêu	Thể chất: 90% đạt mục tiêu Nhận thức: 90% đạt mục tiêu Ngôn ngữ: 90% đạt mục tiêu Thẩm mỹ: 90% đạt mục tiêu Tình cảm và kỹ năng xã hội: 90% đạt mục tiêu
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tổ chức tham quan ngoài nhà trường ít nhất 1 lần/năm	Tổ chức học các lớp năng khiếu vẽ, nhịp điệu, làm quen tiếng Anh Tổ chức tham quan ngoài nhà trường ít nhất 01 lần/năm



Thủ trưởng đơn vị

Quách Thị Thu Nga

Quận 6, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2021 - 2022**

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	425			48	90	142	145
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	425			48	90	142	145
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	425			48	90	142	145
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	425			48	90	142	145
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	425			48	90	142	145
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	425			48	90	142	145
1	Số trẻ cân nặng bình thường	425			43	74	127	114
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	03				01	01	01
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	481			48	88	141	144
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	04				02	01	01
5	Số trẻ thừa cân béo phì	60			05	13	13	29

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	425			48	90	142	145
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				48			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					90	142	145



Thủ trưởng đơn vị

Quách Thị Thu Nga

Quận 6, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	09	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	932	2.20
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	379.6	0.89
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	483	1.13
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	285	0.67
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	37	0.08
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Đảm bảo theo văn bản 3141	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	42	Số bộ/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		Vi tính: 16 Máy in: 09			
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	09				
2	Nhạc cụ	05				
3	Máy Scan	01				
4	Máy Photo	01				
		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	18		110	0.3	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	


Thủ trưởng đơn vị
Quách Thị Thu Nga

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	36		03	18	03	05	07	07	07	09	16	06		
I	Giáo viên	20			16	03	01		07	07	06	13	06		
1	Nhà trẻ	3			02	01			01	01	01	01	02		
2	Mẫu giáo	17			14	02	01		06	06	05	12	04		
II	Cán bộ quản lý	03		03							03	03			
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02		02							02	02			
III	Nhân viên	13			02		04	07							
1	Nhân viên văn thư	Kiểm nhiệm													
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ	01			01										
4	Nhân viên y tế	Kiểm nhiệm													
5	Nhân viên khác	11					04	07							



Thủ trưởng đơn vị

Quách Thị Thu Nga